

THỰC THI CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

★ ThS. LƯƠNG QUỲNH HOA
Viện Kinh tế - Xã hội và Môi trường,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

- **Tóm tắt:** Trong bối cảnh Việt Nam đang chuyển mình mạnh mẽ hướng tới mục tiêu trở thành quốc gia phát triển vào năm 2045, chính sách đối với người có công với cách mạng giữ vai trò cốt lõi trong việc bảo đảm công bằng xã hội, củng cố sự đoàn kết dân tộc và duy trì các giá trị văn hóa xã hội truyền thống. Bài viết phân tích quá trình hình thành và thực thi chính sách đối với người có công với cách mạng ở Việt Nam hiện nay và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực thi chính sách đối với người có công với cách mạng ở Việt Nam đến năm 2030, với tầm nhìn đến năm 2045, bao gồm: cải cách thể chế, ứng dụng công nghệ số, tăng cường sự tham gia cộng đồng và điều chỉnh chính sách để đáp ứng bối cảnh kinh tế - xã hội mới..
- **Từ khóa:** Người có công với cách mạng; chính sách đối với người có công; hiệu quả thực thi chính sách.

Đặt vấn đề

Trong bối cảnh Việt Nam đang chuyển mình mạnh mẽ hướng tới mục tiêu trở thành quốc gia phát triển vào năm 2045, chính sách đối với người có công với cách mạng giữ vai trò cốt lõi trong việc bảo đảm công lý xã hội, củng cố sự đoàn kết dân tộc và duy trì các giá trị văn hóa truyền thống. Được quy định trong các văn bản pháp luật như: Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Ưu đãi người có công với cách mạng⁽¹⁾ và Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày

30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng⁽²⁾. Chính sách này không chỉ thể hiện lòng tri ân đối với những cá nhân và gia đình đã hy sinh hoặc cống hiến cho sự nghiệp cách mạng, giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, mà còn là công cụ tái phân phối nguồn lực nhằm giảm bất bình đẳng và thúc đẩy an sinh xã hội. Việc thực hiện chính sách đối với người có công phản ánh sự tương tác phức tạp giữa các thể chế nhà nước, cộng đồng và các đối tượng thụ hưởng, chịu ảnh hưởng

bởi các yếu tố cấu trúc như khung pháp lý, nguồn lực tài chính và chuẩn mực văn hóa. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đáng ghi nhận, như hỗ trợ hơn 9,2 triệu người có công và thân nhân⁽³⁾, việc thực thi chính sách vẫn đối mặt với nhiều thách thức, bao gồm sự thiếu đồng bộ trong khung pháp lý, hạn chế về nguồn lực và các yêu cầu mới từ quá trình đô thị hóa và hội nhập quốc tế.

Dựa trên cách tiếp cận xã hội học cấu trúc - chức năng và lý thuyết hành động xã hội, bài viết này đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực thi chính sách đối với người có công ở Việt Nam đến năm 2030, với tầm nhìn đến năm 2045 để không chỉ tri ân lịch sử mà còn thúc đẩy công bằng xã hội và phát triển bền vững trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

1. Sự hình thành của chính sách đối với người có công với cách mạng ở Việt Nam

(1) Tư tưởng nền tảng của chính sách đối với người có công với cách mạng

Chính sách đối với người có công với cách mạng ở Việt Nam không phải là sản phẩm ngẫu nhiên mà là kết tinh của truyền thống văn hóa dân tộc, tư tưởng nhân văn sâu sắc và yêu cầu thực tiễn của sự nghiệp cách mạng, phù hợp với từng giai đoạn lịch sử cụ thể. Từ thời kỳ dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam đã hình thành đạo lý “trung quân, ái quốc”, “trọng nghĩa, khinh tài”, “ăn quả nhớ người trồng cây”. Đây trở thành tiền đề tư tưởng cho các chính sách tri ân, đền đáp và hỗ trợ những người hy sinh vì cộng đồng.

Trong thời đại Hồ Chí Minh, tư tưởng “Uống nước nhớ nguồn” được nâng lên thành một nguyên lý đạo đức cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Thương binh là những người đã hy sinh xương máu vì Tổ quốc, vì nhân

dân. Vì vậy, Tổ quốc và nhân dân phải biết ơn, phải giúp đỡ họ”⁽⁴⁾. Tư tưởng này đã trở thành kim chỉ nam cho việc hình thành chính sách ưu đãi người có công ngay từ những ngày đầu thành lập nước.

(2) Các giai đoạn phát triển của chính sách đối với người có công với cách mạng

Giai đoạn 1945-1954: đặt nền móng pháp lý:

Ngay sau khi giành được chính quyền, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã xác định rõ trách nhiệm đối với những người đã hy sinh, cống hiến cho sự nghiệp cách mạng. Một trong những văn bản pháp lý đầu tiên thể hiện tinh thần này - và được xem là văn bản pháp lý đầu tiên đặt nền móng cho hệ thống chính sách người có công ở nước ta - là Sắc lệnh số 20/SL ngày 16/02/1947 do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ban hành, quy định chế độ hưu bổng thương tật và tiền tuất tử sĩ. Cùng năm đó, ngày 27/7/1947 được chọn là Ngày Thương binh toàn quốc, sau này được đổi thành Ngày Thương binh - Liệt sĩ, trở thành biểu tượng tinh thần và chính trị quan trọng trong công tác đền ơn đáp nghĩa⁽⁵⁾. Trong giai đoạn này, chính sách chủ yếu tập trung vào ba nhóm đối tượng chính là thương binh; liệt sĩ và thân nhân; và người hoạt động cách mạng bị thương tật. Tuy còn hạn chế về nguồn lực, nhưng chính sách đã thể hiện rõ tính nhân văn, tính chính trị và tính pháp lý, cung cấp nền móng cho sự phát triển của chính sách này về sau.

Giai đoạn 1954-1975: mở rộng đối tượng thụ hưởng và thể chế hóa:

Sau chiến thắng Điện Biên phủ và Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954, đất nước tạm thời bị chia cắt hai miền. Trong bối cảnh đó, đối tượng, phạm vi tác động của chính sách đối với người có công đối với cách mạng tiếp tục được mở rộng và thể chế hóa mạnh mẽ ở miền Bắc - nơi xây dựng chủ nghĩa xã hội và là hậu phương lớn cho tiền tuyến

miền Nam. Các nội dung chính trong giai đoạn này bao gồm: Mở rộng đối tượng thụ hưởng: bổ sung các nhóm như người nuôi dưỡng cán bộ cách mạng, người hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày, người tham gia dân công hỏa tuyến; Tăng cường tổ chức thực hiện: thành lập các phòng Thương binh - Xã hội tại cấp huyện, xã để quản lý hồ sơ, chi trả trợ cấp và tổ chức các hoạt động tri ân; và thể chế hóa bằng văn bản: ban hành nhiều thông tư, quyết định hướng dẫn thực hiện chế độ trợ cấp, chăm sóc y tế, mai táng phí,... Dù còn những hạn chế nhất định về nguồn lực thực hiện, nhưng chính sách đã thể hiện rõ tính nhân văn sâu sắc, tính chính trị rõ nét, tính kế thừa truyền thống dân tộc và tính chủ động, thích ứng với điều kiện chiến tranh. Chính những nền tảng này đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển và hoàn thiện chính sách trong các giai đoạn tiếp theo.

Giai đoạn 1975 - 1994: thống nhất trong hệ thống chính sách và hướng tới công bằng xã hội:

Chính sách của giai đoạn này thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Nhà nước đối với người có công đối với cách mạng dù trong bối cảnh đất nước còn nhiều khó khăn về kinh tế - xã hội.

Sau ngày đất nước thống nhất (30/4/1975), một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Nhà nước là thống nhất hệ thống chính sách xã hội giữa hai miền Nam - Bắc, trong đó có chính sách đối với người có công với cách mạng. Giai đoạn này đánh dấu bước chuyển từ chính sách tập trung giải quyết các vấn đề chính sách có tính chất khẩn cấp, nhân đạo, nhân văn trong thời chiến sang chính sách có tính hệ thống, bao phủ rộng và hướng đến công bằng xã hội. Trong giai đoạn này, chính sách đối với người có công với cách mạng đã được mở rộng đối tượng và phạm vi áp dụng. Cụ thể, chính sách được mở rộng cho các đối tượng ở miền Nam, bao gồm: cán bộ,

chiến sĩ hoạt động cách mạng bị địch bắt tù đày; người tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước; và thân nhân liệt sĩ, thương binh, bệnh binh ở miền Nam chưa được hưởng chế độ. Các chính sách ưu đãi bao gồm: trợ cấp hàng tháng hoặc một lần; hỗ trợ nhà ở, đất sản xuất; ưu tiên trong tuyển dụng, đào tạo nghề, chăm sóc y tế.

Giai đoạn 1994 - 2020: thể chế hóa toàn diện và hiện đại hóa chính sách:

Đây là giai đoạn đánh dấu bước ngoặt trong việc xây dựng khung pháp lý vững chắc cho chính sách người có công, với sự ra đời của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 1994 - văn bản pháp lý đầu tiên có tính hệ thống, quy định rõ các nhóm đối tượng người có công (12 nhóm), các chế độ ưu đãi: trợ cấp, chăm sóc y tế, giáo dục, nhà ở, việc làm và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong tổ chức thực hiện các chế độ ưu đãi đối với người có công⁽⁶⁾. Pháp lệnh năm 1994 được sửa đổi, bổ sung nhiều lần trong các năm 1998, 2000, 2002, 2005, 2007 và 2012 đã mở rộng đối tượng thụ hưởng, bao gồm: người bị địch bắt tù đày, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, người có công giúp đỡ cách mạng. Đồng thời, các lần sửa đổi, bổ sung cũng giúp chuẩn hóa điều kiện, tiêu chuẩn xét duyệt và tăng mức trợ cấp phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội.

Trong giai đoạn này, nhờ ứng dụng công nghệ thông tin, việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về người có công và quản lý hồ sơ, chi trả trợ cấp cũng được tiến hành thuận lợi. Đồng thời, trong giai đoạn này, công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý sai phạm trong thực hiện chính sách cũng được tăng cường triển khai. Cùng với đó, các hoạt động như: Chương trình xây dựng nhà tình nghĩa; hỗ trợ hàng trăm nghìn hộ gia đình người có công có nhà ở ổn

định; chính sách vay vốn ưu đãi: hỗ trợ người có công phát triển sản xuất, kinh doanh và chính sách giáo dục - đào tạo: miễn giảm học phí, ưu tiên tuyển sinh cho con em người có công cũng thường xuyên được tiến hành tại các địa phương.

Giai đoạn từ 2020 đến nay: chuẩn hóa, hiện đại hóa và hướng tới công bằng xã hội:

Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09/12/2020 do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành về Ưu đãi người có công với cách mạng đã thay thế Pháp lệnh 2005 và các văn bản sửa đổi trước đó. Những điểm mới nổi bật của Pháp lệnh 2020 bao gồm cấu trúc pháp lý mới với 7 chương, 58 điều, trong đó, bổ sung 2 chương mới: “Công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ” và “Nguồn lực thực hiện”⁽⁷⁾, 10 điều mới, sửa đổi 41 điều cũ, mở rộng đối tượng và chuẩn hóa điều kiện hưởng chính sách. Những đối tượng được bổ sung bao gồm người trực tiếp chiến đấu bảo vệ Tổ quốc sau 1975, người làm nghĩa vụ quốc tế, vợ/chồng liệt sĩ tái giá nhưng vẫn nuôi con liệt sĩ hoặc chăm sóc cha mẹ liệt sĩ, đồng thời điều kiện xét duyệt cũng được chuẩn hóa theo nguyên tắc chặt chẽ, công khai, minh bạch⁽⁸⁾. Pháp lệnh 2020 tăng cường trách nhiệm của các cấp chính quyền bằng việc quy định rõ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các tổ chức đoàn thể. Pháp lệnh 2020 cũng hướng tới công bằng và phát triển bền vững thông qua các hoạt động như tăng mức trợ cấp: điều chỉnh mức trợ cấp phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội; tăng cường giám sát xã hội: phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong giám sát thực hiện chính sách và đẩy mạnh truyền thông và giáo dục truyền thống: nâng cao nhận thức cộng đồng về vai trò của người có công.

2. Kết quả thực thi chính sách đối với người có công với cách mạng trong giai đoạn 2020 - 2025

Trong giai đoạn 2020 - 2025, việc triển khai trên thực tế chính sách đối với người có công với cách mạng, cụ thể là Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14, đã tiếp tục được khẳng định là một trụ cột trong hệ thống an sinh xã hội quốc gia ở nước ta.

Một số thành tựu

Một là, mở rộng đối tượng và nâng cao mức hưởng:

Trong giai đoạn này, hàng trăm nghìn hồ sơ người có công mới được xác nhận, đặc biệt là các nhóm đối tượng từng chưa được ghi nhận đầy đủ như: dân công hỏa tuyến, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, người làm nghĩa vụ quốc tế. Việc mở rộng đối tượng đã góp phần bảo đảm công bằng lịch sử và xã hội. Mức trợ cấp hàng tháng, trợ cấp một lần, hỗ trợ y tế, giáo dục, nhà ở đều được điều chỉnh tăng theo điều kiện kinh tế - xã hội. Theo báo cáo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, đến năm 2024, hơn 95% người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức trung bình của cộng đồng nơi cư trú⁽⁹⁾.

Hai là, cải cách thủ tục hành chính và số hóa dữ liệu:

Một trong những điểm sáng là việc triển khai Cơ sở dữ liệu quốc gia về người có công, kết nối với hệ thống quản lý dân cư và bảo hiểm xã hội. Việc số hóa hồ sơ giúp rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ trung bình 30 ngày xuống còn dưới 15 ngày, đồng thời giảm thiểu sai sót, trùng lặp, gian lận, tăng tính minh bạch và khả năng giám sát. Nhiều địa phương đã áp dụng phần mềm quản lý hồ sơ người có công, tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia, cho phép người dân tra cứu, nộp hồ sơ và theo dõi tiến độ trực tuyến.

Ba là, phát triển các chương trình hỗ trợ toàn diện:

Ngoài trợ cấp tài chính, chính sách người có công còn bao gồm các hoạt động hỗ trợ khác như: hỗ trợ nhà ở: hàng chục nghìn căn nhà tình nghĩa được xây mới hoặc sửa chữa; chăm sóc y tế: 100% người có công được cấp thẻ bảo hiểm y tế, nhiều địa phương tổ chức khám sức khỏe định kỳ miễn phí; giáo dục - đào tạo: miễn giảm học phí, ưu tiên tuyển sinh cho con em người có công; tín dụng ưu đãi và hỗ trợ việc làm: người có công được vay vốn từ Quỹ quốc gia giải quyết việc làm để phát triển sản xuất.

Bốn là, lan tỏa phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” và truyền thông xã hội:

Các hoạt động tri ân như: xây dựng nhà tình nghĩa, chăm sóc mẹ Việt Nam anh hùng, tổ chức lễ tưởng niệm liệt sĩ, thăm hỏi thương binh nặng được duy trì thường xuyên. Nhiều mô hình sáng tạo như: “Ngân hàng máu người có công”, “Tủ sách tri ân”, “Hành trình về nguồn” đã lan tỏa tinh thần nhân văn trong cộng đồng, góp phần giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ. Truyền thông xã hội đóng vai trò tích cực trong việc nâng cao nhận thức, lan tỏa giá trị đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, đặc biệt trong giới trẻ.

(2) Một số vấn đề đặt ra

Mặc dù hệ thống chính sách đối với người có công với cách mạng ở Việt Nam đã được xây dựng tương đối đầy đủ và có tính pháp lý cao, song quá trình tổ chức thực hiện vẫn còn tồn tại nhiều bất cập. Những hạn chế này không chỉ làm giảm hiệu quả của chính sách mà còn ảnh hưởng đến niềm tin của người dân vào sự công bằng và minh bạch của hệ thống an sinh xã hội. Việc phân tích các bất cập trong thực thi chính sách là điều kiện tiên quyết để đề xuất các giải pháp cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả

quản trị công và bảo đảm quyền lợi chính đáng của người có công.

Một là, bất cập trong xác minh, xét duyệt và công nhận đối tượng:

- Quy trình xét duyệt còn phức tạp, thiếu nhất quán: quy trình xác nhận người có công hiện nay vẫn còn một số bước thủ công, đòi hỏi hồ sơ giấy tờ phức tạp, trong khi nhiều trường hợp người có công không còn sống hoặc không có nhân chứng. Điều này đặc biệt phổ biến ở các nhóm như người hoạt động cách mạng bị địch bắt tù đày, người tham gia dân công hỏa tuyến, người giúp đỡ cách mạng không thuộc tổ chức chính trị. Việc thiếu tiêu chí định lượng rõ ràng dẫn đến tình trạng mỗi địa phương áp dụng khác nhau, gây ra sự không đồng đều trong công nhận đối tượng.

- Tình trạng “xin - cho” và tiêu cực tiềm ẩn: do quy trình xét duyệt phụ thuộc nhiều vào xác nhận của chính quyền cơ sở và tổ chức đoàn thể, nên dễ phát sinh cơ chế “xin - cho”, thậm chí tiêu cực trong việc xác nhận hồ sơ. Một số trường hợp được công nhận không đúng thực tế, trong khi người thực sự có công lại bị bỏ sót.

Hai là, bất cập trong quản lý hồ sơ và dữ liệu:

- Thiếu đồng bộ và liên thông dữ liệu: mặc dù đã có chủ trương xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về người có công, nhưng trên thực tế, hệ thống dữ liệu vẫn phân tán, thiếu liên thông giữa các cấp, ngành. Một số địa phương vẫn quản lý hồ sơ bằng phương pháp thủ công hoặc phần mềm riêng lẻ, gây khó khăn trong việc tra cứu, xác minh thông tin, phát hiện trùng lặp, sai sót, thống kê, báo cáo và giám sát chính sách.

- Cập nhật thông tin chậm trễ: việc cập nhật thông tin về thay đổi tình trạng người có công (chuyển nơi cư trú, qua đời, thay đổi mức độ thương tật...) còn chậm, dẫn đến tình trạng chi trả sai đối tượng hoặc chậm trễ trong điều chỉnh chế độ.

Ba là, bắt cập trong chi trả và cung cấp dịch vụ:

- Chi trả trợ cấp còn thủ công, thiếu minh bạch: tại một số địa phương, việc chi trả trợ cấp vẫn thực hiện qua cán bộ xã hoặc bưu điện, chưa áp dụng rộng rãi hình thức chuyển khoản ngân hàng. Điều này dẫn đến nguy cơ thất thoát, sai sót, thiếu minh bạch trong quá trình chi trả, gây phiền hà cho người có công cao tuổi, sức khỏe yếu.

- Dịch vụ hỗ trợ chưa đáp ứng nhu cầu thực tế: các dịch vụ y tế, giáo dục, nhà ở, tín dụng ưu đãi dành cho người có công còn mang tính hình thức, thiếu chiều sâu. Ví dụ: nhiều người có công được cấp thẻ bảo hiểm y tế nhưng không được khám chữa bệnh định kỳ; chương trình hỗ trợ nhà ở triển khai chậm do thiếu quỹ đất hoặc kinh phí; tư vấn tâm lý, phục hồi chức năng xã hội gần như chưa được triển khai.

Bốn là, bắt cập trong giám sát, phản biện và xử lý khiếu nại:

- Cơ chế giám sát độc lập và phản biện chính sách còn chưa đầy đủ: hiện nay, việc giám sát thực hiện chính sách chủ yếu do cơ quan hành chính và tổ chức chính trị - xã hội thực hiện, thiếu sự tham gia của các tổ chức độc lập, chuyên gia và người dân. Điều này dẫn đến thiếu phản hồi khách quan từ thực tiễn, chậm phát hiện sai phạm, bất cập, hạn chế khả năng điều chỉnh chính sách kịp thời.

- Còn tình trạng chưa giải quyết dứt điểm khiếu nại, tố cáo: Ví dụ trường hợp khiếu nại về việc không được công nhận người có công hoặc bị cắt chế độ không rõ lý do kéo dài nhiều năm. Nguyên nhân chủ yếu là thiếu hồ sơ gốc hoặc nhân chứng, quy trình giải quyết phức tạp, nhiều cấp trung gian, thiếu cơ chế hòa giải, đối thoại hiệu quả.

Năm là, bắt cập trong năng lực cán bộ và tổ chức thực hiện:

- Thiếu cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm

nhiều việc: tại cấp xã, huyện - nơi trực tiếp tiếp nhận và xử lý hồ sơ - nhiều cán bộ làm công tác người có công là kiêm nhiệm, không được đào tạo chuyên sâu. Điều này ảnh hưởng đến chất lượng xét duyệt hồ sơ, khả năng tư vấn, hỗ trợ người dân, tính chuyên nghiệp trong quản lý chính sách.

- Thiếu đào tạo, cập nhật kiến thức pháp luật: nhiều cán bộ chưa được tập huấn đầy đủ về các quy định mới trong Pháp lệnh năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Việc áp dụng sai quy định hoặc hiểu không thống nhất giữa các địa phương là nguyên nhân dẫn đến sai sót trong thực hiện chính sách.

Sáu là, bắt cập trong truyền thông và tiếp cận thông tin:

- Thiếu thông tin rõ ràng, dễ hiểu cho người dân: nhiều người có công và thân nhân không nắm rõ quyền lợi, thủ tục, điều kiện hưởng chính sách do thiếu tài liệu hướng dẫn đơn giản, dễ hiểu, thông tin không được cập nhật thường xuyên trên các kênh chính thức, cán bộ cơ sở chưa chủ động tư vấn, giải thích.

- Truyền thông chưa phát huy vai trò giáo dục và giám sát: truyền thông chủ yếu tập trung vào các dịp lễ kỷ niệm, chưa phản ánh đầy đủ các vấn đề thực tiễn, chưa tạo diễn đàn để người dân phản ánh, góp ý chính sách. Điều này làm giảm vai trò của báo chí và mạng xã hội trong việc giám sát và thúc đẩy cải cách chính sách.

3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi chính sách đối với người có công ở Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2045

(1) Nhóm giải pháp về thể chế và pháp luật

Một là, rà soát, sửa đổi và hoàn thiện hệ thống pháp luật:

Trước hết, cần tiến hành rà soát toàn diện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh lĩnh vực người có công, bao gồm các pháp lệnh,

ngộ định, thông tư, hướng dẫn thi hành. Việc rà soát nhằm phát hiện những quy định chồng chéo, mâu thuẫn, bất cập hoặc đã lạc hậu so với thực tiễn. Trên cơ sở đó, cần sửa đổi các quy định chưa phù hợp, đồng thời chuẩn hóa các tiêu chí xác định người có công theo hướng định lượng, khách quan, dễ áp dụng, đặc biệt là đối với các nhóm như người hoạt động cách mạng bị địch bắt tù đày, người giúp đỡ cách mạng hoặc dân công hỏa tuyến. Việc chuẩn hóa sẽ giảm thiểu tính chủ quan trong xét duyệt, đồng thời nâng cao tính minh bạch và công bằng trong thực hiện chính sách.

Hai là, xây dựng luật chuyên ngành về người có công:

Trong tầm nhìn dài hạn, việc nâng cấp Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 thành một luật chuyên ngành về người có công với cách mạng là cần thiết nhằm bảo đảm cơ sở pháp lý vững chắc, đồng thời nâng cao hiệu lực và hiệu quả thực thi. Luật cần quy định rõ các nguyên tắc cơ bản của chính sách, phân định trách nhiệm cụ thể của các cơ quan nhà nước và các bên liên quan, cũng như thiết lập cơ chế giám sát và phản biện chính sách từ cộng đồng. Ngoài ra, luật cũng cần tạo hành lang pháp lý cho xã hội hóa chính sách, khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp, tổ chức xã hội và cá nhân trong việc chăm lo cho người có công.

(2) Nhóm giải pháp về tổ chức thực thi chính sách và quản trị công

Một là, chuẩn hóa quy trình xét duyệt và công nhận đối tượng:

Quy trình xét duyệt người có công cần được đơn giản hóa nhưng vẫn bảo đảm chặt chẽ, minh bạch và nhất quán trên phạm vi toàn quốc. Cụ thể, quy trình nên được thiết kế theo 5 bước chuẩn: (1) Tiếp nhận hồ sơ, (2) Xác minh thực địa, (3) Thẩm định cấp huyện/tỉnh, (4) Công

khai kết quả, (5) Ban hành quyết định công nhận. Bên cạnh đó, việc xây dựng các bộ tiêu chí định lượng rõ ràng theo từng nhóm đối tượng sẽ giúp giảm thiểu sự khác biệt trong cách hiểu và cách áp dụng giữa các địa phương. Đặc biệt, cần phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể, cựu chiến binh, nhân chứng lịch sử trong việc xác minh thông tin, góp phần tăng tính chính xác và công tâm của quy trình.

Hai là, nâng cao năng lực cán bộ và tổ chức thực hiện:

Một trong những yếu tố then chốt quyết định hiệu quả thực thi chính sách chính là chất lượng đội ngũ cán bộ. Do đó, cần bố trí cán bộ chuyên trách về công tác người có công tại cấp xã, huyện thay vì kiêm nhiệm như hiện nay. Đồng thời, tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng định kỳ để cập nhật kiến thức pháp luật, kỹ năng tư vấn, sử dụng công nghệ thông tin và xử lý tình huống. Đồng thời, cần xây dựng bộ chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động của cán bộ và cơ quan thực hiện chính sách tại mỗi địa phương, nhằm tạo động lực và nâng cao trách nhiệm giải trình trong công tác.

(3) Nhóm giải pháp về chuyển đổi số và hiện đại hóa quản lý

Một là, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia thống nhất về người có công:

Để hiện đại hóa công tác quản lý chính sách, cần xây dựng một Cơ sở dữ liệu quốc gia đồng bộ, toàn diện về người có công, kết nối chặt chẽ với các hệ thống dữ liệu dân cư, bảo hiểm xã hội, y tế, giáo dục và ngân hàng. Mỗi người có công cần có một mã định danh số thống nhất, tích hợp đầy đủ thông tin cá nhân, quá trình hưởng chính sách, lịch sử chi trả, tình trạng hồ sơ... Việc này giúp giảm sai sót, phát hiện kịp thời các trường hợp trùng lặp, nhầm lẫn và từ đó nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát và báo cáo chính sách.

Hai là, ứng dụng công nghệ số trong cung cấp dịch vụ công:

Bên cạnh việc xây dựng dữ liệu, cần phát triển nền tảng dịch vụ công trực tuyến chuyên biệt dành cho người có công, bao gồm công thông tin điện tử và ứng dụng trên thiết bị di động. Hệ thống này cho phép người dân dễ dàng tra cứu thông tin cá nhân, nộp hồ sơ đề nghị hưởng chính sách, theo dõi tiến độ giải quyết và gửi phản ánh, kiến nghị. Việc ứng dụng công nghệ cũng cần đi kèm với hỗ trợ kỹ thuật cho người cao tuổi hoặc người yếu thế, bảo đảm không ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình chuyển đổi số.

(4) Nhóm giải pháp về tài chính và huy động nguồn lực

Một là, đa dạng hóa nguồn lực tài chính:

Trong bối cảnh ngân sách nhà nước còn hạn chế, việc đa dạng hóa nguồn lực là điều kiện tiên quyết để bảo đảm tính bền vững của chính sách người có công. Cần xây dựng cơ chế pháp lý khuyến khích các doanh nghiệp tham gia thực hiện trách nhiệm xã hội, thông qua việc đóng góp vào quỹ tri ân hoặc trực tiếp tài trợ nhà ở, học bổng, chăm sóc y tế cho người có công. Đồng thời, các tổ chức từ thiện, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cũng cần được tạo điều kiện về pháp lý, tài chính và truyền thông để cùng chung tay trong công tác “đền ơn đáp nghĩa”.

Hai là, cơ chế ngân sách linh hoạt và kiểm soát hiệu quả:

Ngoài việc tăng cường nguồn lực xã hội, cần xây dựng cơ chế ngân sách linh hoạt cho chính quyền địa phương, cho phép chuyển nguồn giữa các năm hoặc giữa các chương trình ưu đãi khác nhau trong cùng một nhóm đối tượng. Cùng lúc, cần tăng cường kiểm toán, thanh tra tài chính, xây dựng các công cụ đánh giá hiệu quả chi tiêu công, bảo đảm sử dụng ngân sách đúng mục đích, tiết kiệm và đạt hiệu quả xã hội tối đa.

(5) Nhóm giải pháp về truyền thông và giáo dục xã hội

Một là, đổi mới truyền thông chính sách theo hướng đa nền tảng:

Truyền thông đóng vai trò then chốt trong việc lan tỏa giá trị chính sách, nâng cao nhận thức cộng đồng và tăng cường sự đồng thuận xã hội. Do đó, cần đầu tư phát triển nội dung truyền thông đa nền tảng, bao gồm video ngắn, phim tài liệu, Podcast, bài viết tương tác và Infographics. Đặc biệt, nên tập trung vào các nền tảng mạng xã hội như Facebook, TikTok, YouTube để tiếp cận nhóm đối tượng trẻ tuổi. Các chiến dịch truyền thông nên gắn với các dịp tri ân lớn như 27/7, 22/12, tạo cao trào tinh thần trong cộng đồng.

Hai là, tăng cường giáo dục truyền thống trong nhà trường và cộng đồng:

Để chính sách người có công không chỉ là nghĩa vụ mà còn là niềm tự hào, cần lồng ghép nội dung giáo dục truyền thống tri ân vào chương trình giáo dục phổ thông, đặc biệt là ở cấp tiểu học và trung học. Các hình thức giáo dục nên kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn, như tổ chức tham quan nghĩa trang liệt sĩ, mời nhân chứng lịch sử giao lưu với học sinh, xây dựng tủ sách tri ân hoặc thư viện số về gương người có công địa phương.

(6) Nhóm giải pháp về giám sát, phản biện và đánh giá chính sách

Một là, phát huy cơ chế giám sát xã hội đa chiều:

Một chính sách có hiệu lực không chỉ cần thực hiện tốt mà còn phải được giám sát chặt chẽ từ nhiều chiều. Bên cạnh giám sát của các cơ quan hành chính, cần mở rộng vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh, Hội Người cao tuổi, các tổ chức truyền thông và mạng lưới nhân dân. Đặc biệt, cần thiết lập các kênh tiếp nhận thông tin phản ánh và góp ý từ

người dân một cách thuận tiện (qua tổng đài, email, ứng dụng điện tử), đồng thời có cơ chế xử lý minh bạch, kịp thời, có hồi đáp.

Hai là, đổi mới đánh giá hiệu quả chính sách theo chuẩn:

Xây dựng bộ chỉ số đánh giá hiệu quả chính sách theo các tiêu chí: mức độ bao phủ, mức độ hài lòng, tác động đến chất lượng sống và hiệu quả chi ngân sách. Đồng thời, tiến hành tổ chức đánh giá định kỳ 5 năm/lần, kết hợp giữa đánh giá nội bộ và đánh giá độc lập.

Kết luận

Chính sách đối với người có công với cách mạng ở Việt Nam là một biểu hiện sống động của trách nhiệm đạo đức và xã hội, đồng thời là phương tiện chiến lược để củng cố sự gắn kết xã hội và bảo vệ các giá trị cốt lõi của dân tộc trong

bối cảnh chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Từ giác độ xã hội học, chính sách này không chỉ thực hiện chức năng tái phân phối nguồn lực mà còn đóng vai trò như một cơ chế tích hợp, giúp duy trì sự ổn định và niềm tin vào hệ thống chính trị. Thành tựu hỗ trợ hơn 9,2 triệu người có công và thân nhân là minh chứng cho tiềm năng của chính sách này trong việc thúc đẩy công lý và đoàn kết xã hội. Đến năm 2045, khi Việt Nam hướng tới vị thế quốc gia phát triển, chính sách này sẽ không chỉ là di sản đạo đức mà còn là nền tảng để xây dựng một xã hội công bằng, gắn kết và thịnh vượng, nơi các giá trị “Uống nước nhớ nguồn”, “Ăn quả nhớ người trồng cây” được gìn giữ và phát huy, khẳng định vai trò của Nhà nước trong việc cân bằng giữa phát triển kinh tế và trách nhiệm xã hội ❖

(1), (6) Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2020), *Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09/12/2020: Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng*.

(2) Chính phủ (2021), *Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021: Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng*.

(3) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2022), *Hoàn thiện chính sách người có công với cách mạng: Đậm nghĩa tình, tri ân sâu nặng*, tại: www.molisa.gov.vn, ngày 09/02/2022; truy cập ngày 20/4/2025.

(4), (9) Đào Thị Tùng (2024), *Thực hiện chính sách chăm lo đời sống cho người có công với cách mạng theo tinh thần Đại hội XIII*, trong: Cổng Thông tin điện tử Học viện Chính trị Khu vực III, ngày 27/7/2024, tại: <https://hcma3.hcma.vn/Pages/chi-tiet-tin.aspx?ItemID=40075>, truy cập ngày 20/4/2025.

(5) Nguyễn Bá Hoan (2022), “*Chính sách đối với người có công luôn được quan tâm nhất quán, thường xuyên*”, trong: Tạp chí Quốc phòng toàn dân, ngày 25/7/2022, tại: <https://tapchiquptd.vn/vi/nhung-ngay-ky-niem-lon/chinh-sach-doi-voi-nguoi-co-cong-luon-duoc-quan-tam-nhat-quan-thuong-xuyen/18967.html>, truy cập ngày 20/4/2025.

(7), (8) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Tiền Giang (2021), “*Những quy định mới về chính sách đối với người có công và thân nhân người có công với cách mạng theo Pháp lệnh 02/2020/UBTVQH14*”, ngày 25/11/2021, tại: <https://sldtbxh.tiengiang.gov.vn/chi-tiet-tin/?nhung-quy-inh-moi-ve-chinh-sach-oi-voi-nguoi-co-cong-va-than-nhan-nguoi-co-cong-voi-cach-mang-theo-phap-lenh-02-2020-ubtvqh14/35026466>, truy cập ngày 20/4/2025.